TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1410/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/11/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mộng Nghi

2. Ông Dương Văn Quí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Mến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 268/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/3//2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lương Hoàng T (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà N và ông Lương Hoàng T tự nguyên chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2010 tại UBND xã N, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018, giữa vợ chồng bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi và xúc phạm nhau. Hai vợ chồng cũng hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà N và ông T đã sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bà N không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà N nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung là Lương Phạm Ngọc C (sinh ngày 04/4/2011) và Lương Phạm Ngọc M (sinh ngày 28/11/2015). Hiện nay hai con

đang sống chung với ông T. Bà N giao hai con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại bà N không có chỗ ở ổn định và cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đồng/tháng, thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lương Hoàng T vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Lương Hoàng T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01/2010 ngày 23/7/2010 do UBND xã N, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không cung cấp lời khai, không giao nộp chứng cứ, không đưa ra ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà N để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà N thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có liên hệ với nhau, mỗi người đều sống cuộc sống riêng của mình. Hiện nay, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì đủ cơ sở xác định bà N và ông T không còn chung sống từ năm 2018 đến nay. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà N và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T.

[6] Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung tên Lương Phạm Ngọc C (sinh ngày 04/4/2011) và Lương Phạm Ngọc M (sinh ngày 28/11/2015). Bà N yêu cầu giao hai con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận định hiện nay cháu C và cháu M đang sống chung với ông T và việc giao con cho ông T trực tiếp nuôi cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đồng/tháng, thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Ông T không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà N.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng. Bà N chịu toàn bộ án phí, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Lương Hoàng T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lương Phạm Ngọc C (sinh ngày 04/4/2011) và Lương Phạm Ngọc M (sinh ngày 28/11/2015) cho ông Lương Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phạm Thị N cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng/tháng), thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lương Hoàng T cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như

việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà N phải nộp án phí ly hôn là 300.0000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà N đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003716 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng, thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Nhị Bình, H. Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam